TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN LẠC** **TỈNH HÒA BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 08 - 6 - 2023
V/v Tranh chấp HNGĐ- Ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN LẠC- TỈNH HÒA BÌNH
- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông **Bùi Đình Dũng**
- *Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Bà **Nguyễn Thị Ngọc Dung**, Giám đốc Ngân hàng NN&PTNT huyện Tân Lạc.

2. Bà **Đinh Thị Phong**, Cán bộ hưu trí.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Tăng Thị Hồng**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình tham gia phiên toà: Bà **Bùi Thị Nhạn**, Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 127/2022/TLST- HNGĐ ngày 08/12/2022 về Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2023/QĐXXST-HN&GĐ, ngày 03/5/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Bùi Thị M**, sinh năm 1993.

2. Bị đơn : Anh **Bùi Văn T**, sinh năm 1987.

Cùng trú tại: Xóm T, xã N, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, được nộp tiền tạm ứng án phí ngày 08/12/2022, bản tự khai và quá trình tố tụng tiếp theo, nguyên đơn chị Bùi Thị M trình bày: Chị và anh Bùi Văn T, sau quá trình tự do tìm hiểu, đã tự nguyện kết hôn và về chung sống với nhau, hai gia đình có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương, có thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã D. Nay là xã N, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình ngày 14/10/2010. Sau kết hôn vợ chồng chung sống với gia đình nhà chồng tại xóm T, xã N, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình. Vì cuộc sống quá khó khăn và cũng vì mưu sinh vợ chồng phải đến các khu công nghiệp làm thuê, kiếm sống và nuôi con. Tuy nhiên, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc không được bao lâu đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T không chịu khó làm ăn, không quan tâm chăm lo cho gia đình vợ con,

không đưa kinh tế cho chị lo cho gia đình và con cái; chị đã cố gắng nín nhịn khuyên giải và nhờ gia đình khuyên giải để anh T sống có trách nhiệm hơn nhưng anh T không những không thay đổi lại càng ngày càng ngang ngược hơn; luôn mượn cớ chửi bới đánh đập vợ con khiến chị rất lo sợ. Cuộc sống gia đình luôn căng thẳng và vì quá lo sợ chị bỏ về bên ngoại sống nhưng anh T cũng không quan tâm đến chị và cũng không chăm lo cho các con. không đóng góp chu cấp và sống thiếu trách nhiệm với gia đình. Thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, chị M gửi đơn yêu cầu xin được ly hôn anh T để giải phóng cho nhau. Về con chung: Có 02 con là Bùi Bảo N, sinh ngày 26/7/2010 và Bùi Ngọc H, sinh ngày 20/5/2012. Khi ly hôn chị M xin được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cả 02 con và chưa yêu cầu anh T đóng góp, cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung chị không ngăn cản. Về tài sản chung, Công nợ chung: Không có. Về án phí: Nguyên đơn xin tự nguyện chịu toàn bộ .

Vì phía bị đơn anh Bùi Văn T đã được triệu tập ra tòa làm việc, Tòa đã báo về phiên họp tiếp cận, giao nộp, công khai chứng cứ và hòa giải. Anh T có đến tòa nhưng không viết bản tự khai, không chịu cung cấp lời khai và khi Tòa lấy lời khai của các con về nguyện vọng khi bố mẹ ly hôn thì các cháu sẽ ở với ai. Anh T có chứng kiến, co biết về nguyện vọng của các cháu nhưng không chịu ký xác nhận. Đồng thời thể hiện thái độ đe dọa chị M và khủng bố các cháu khiến Tòa phải gọi Công an thị trấn Mãn Đức xuống khuyên giải và chị M phải gọi người nhà ra hộ tống mới giám về. Anh T biết việc chị M gửi đơn ra Tòa đế xin ly hôn; Biết Tòa thông báo và triệu tập đến làm việc nhưng không hợp tác, không đến Tòa giải quyết. Để giải quyết vụ án, chị M đã có đơn đề nghị không cần lấy lời khai hay tổ chức phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cũng như tiến hành hòa giải nữa.

Chị Bùi Thị M vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn và anh Bùi Văn T cố tình trốn tránh nên Tòa đã tiến hành tống đạt giấy báo, Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo đúng quy định của pháp luật. Đến ngày xét xử lần thứ nhất, anh Bùi Văn T vẫn không có mặt và không có lý do. Phiên tòa lần thứ nhất phải hoãn theo quy định của Pháp luật. Đến phiên tòa lần thứ hai. Tòa án nhân dân huyện Tân Lạc cũng đã tiến hành tống đạt giấy báo cũng như quyết định hoãn phiên tòa đồng thời ấn định ngày xử tiếp theo và tống đạt cho anh Bùi Văn T theo pháp luật: Tuy nhiên, đến ngày xét xử, anh Bùi Văn T vẫn vắng mặt không có lý do. Như vậy: Anh Bùi Văn T đã tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ của bản thân.

Nguyên đơn, chị Bùi Thị M vẫn giữ nguyên quan điểm.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đưa ra quan điểm: Tòa án đã tiến hành tống đạt theo đúng các thủ tục theo quy định. Bị đơn lần thứ hai vẫn không có mặt không có lý do nhưng theo quy định tại điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vắng mặt là có cơ sở. Về quan hệ hôn nhân: Lời khai của chị M là phù hợp với tài liệu đã thu thập trong hồ sơ vụ án. Việc kết hôn của chị M và

anh T là tự nguyện và hợp pháp; mâu thuẫn vợ chồng xảy ra từ lâu và đã ở mức độ trầm trọng nên đề nghị hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 điều 56 luật Hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu xin ly hôn và xử cho chị M được ly hôn anh T. Về con chung cần áp dụng quy định tại các điều 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo pháp luật: Cả 02 cháu N và H đã lớn có nguyện vọng xin ở với mẹ; các cháu hiện đang ở với mẹ và được mẹ chăm lo đầy đủ và vì anh T cố tình trốn tránh không đến Tòa thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình nên: Giao cả 02 cháu N và H cho chị M trực tiếp chăm sóc giáo dục là phù hợp. Chấp nhận sự tự nguyện của chị M chưa yêu cầu anh T đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và công nợ chung: Không có nên không đề cập. Về trách nhiệm nộp án phí: Cần áp dụng theo đúng quy định của pháp luật hiện hành về án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận sự tự nguyện chịu án phí của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về thủ tục tố tụng: - Quan hệ pháp luật tòa án giải quyết là tranh chấp về ly hôn. Nguyên đơn là là chị Bùi Thị M và bị đơn anh Bùi Văn T cùng trú tại xóm T, xã N, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình nên chị M khởi kiện vụ án, Tòa xác định chị là nguyên đơn. Anh T là người bị khởi kiện là bị đơn là đúng và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình, theo quy định tại Điều 26, Khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị M và anh Bùi Văn T chung sống và kết hôn với nhau năm 2010, có đăng ký kết hôn tại UBND xã D. Nay là xã N, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình. Hôn nhân do hai bên tự nguyện, là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, hai vợ chồng thường xuyên xảy ra xung đột, mâu thuẫn chủ yếu do anh T thiếu trách nhiệm với vợ con. Vợ chồng xung đột khiến cuộc sống gia đình bức bách, nặng nề. Vì kinh tế, vợ chồng phải gửi con cho gia đình đi làm thuê, sinh sống, làm việc những mong anh T sửa đổi quay về đoàn tụ gia đình nhưng anh T vẫn không quan tâm đoái hoài đến gia đình, vợ con mà còn có quan hệ với người đàn bà khác; Vợ chồng ly thân từ năm 2019 đến nay, xác định: Tình cảm vợ chồng không còn, để đảm bảo cho tương lai chị có yêu cầu xin được ly hôn anh Bùi Văn T.

Xét hôn nhân giữa chị Bùi Thị M và anh Bùi Văn T từ sau khi kết hôn được một thời gian ngắn vợ chồng đã thường xuyên xảy ra những mâu thuẫn, bất hòa không thể hòa hợp, anh T không có giải pháp gì để chị M tin tưởng mà yên tâm chung sống để có một gia đình hạnh phúc, cả hai đã sống ly thân từ năm 2019 mỗi người một nơi, không còn khả năng hàn gắn. Căn cứ tình trạng thực tế thì hôn nhân giữa vợ và chồng không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được.

Việc chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn để xử cho chị Bùi Thị M được ly hôn anh Bùi Văn T là cần thiết, phù hợp với các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam.

[3]Về con chung: Chị Bùi Thị M và anh Bùi Văn T có 02 con là Bùi Bảo N, sinh ngày 26/7/2010 và Bùi Ngọc H, sinh ngày 20/5/2012. Quá trình giải quyết, chị M có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cả 02 con và yêu cầu anh T đóng góp, cấp dưỡng nuôi con chung với mức 2.000.000 đ/tháng cho đến khi cháu N và H đủ 18 tuổi; Tuy nhiên sau thấy anh T không hợp tác nên chị rút quan điểm: chưa yêu cầu anh T đóng góp, cấp dưỡng nuôi con chung. Các con chị, hiện vẫn sinh sống cùng chị và bà nội và chị vẫn cho con ăn học đầy đủ và có cuộc sống khá tốt. Chị có việc làm và thu nhập ổn định khoảng 9.000.000đ-15.000.000đ/tháng đủ để đảm bảo cho con ăn học. Chị để quyền thăm nom, chăm sóc con chung cho anh T mà không ngăn cản.

Xét: Anh Bùi Văn T đã không đến Tòa, sống thiếu trách nhiệm đã từ bỏ quyền nuôi con và việc giao con cần phải giao mẹ. Hiện 02 cháu Bùi Bảo N, sinh ngày 26/7/2010 và Bùi Ngọc H, sinh ngày 20/5/2012 đều có nguyện vọng xin ở mẹ, các cháu cần sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ và hiện tại cả hai cháu đang được mẹ nuôi dưỡng và chăm sóc tốt. Bởi vậy, nên giao 02 con là Bùi Bảo N và Bùi Ngọc H cho chị Bùi Thị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp và chấp nhận sự tự nguyện của chị M chưa yêu cầu anh Bùi Văn T đóng góp cấp dưỡng muôi con chung. Anh T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật.

[4]Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự xác định không có tài sản chung nên không yêu cầu đồng thời xác định không có nợ chung nên không đề cập xử lý.

[5]Về án phí: Chị Bùi Thị M phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 51, 56, 58, điều 81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, 39, 147, 227, 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] -Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Bùi Thị M được ly hôn với anh Bùi Văn T.

[2]- Về con chung : Giao 02 con là Bùi Bảo N, sinh ngày 26/7/2010 và Bùi Ngọc H, sinh ngày 20/5/2012 cho chị Bùi Thị M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Bùi Thị M chưa yêu cầu anh Bùi Văn T phải đóng góp, cấp dưỡng nuôi con chung. Quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung được đảm bảo theo quy định của pháp luật.

[3]- Về án phí: Chị Bùi Thị M phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án huyện Tân Lạc theo biên lai số: 0002753 ngày 08/12/2022.

[4]- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo kết quả xét xử hoặc kết quả bản án được niêm yết

Án xử sơ thẩm công khai.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSNDtỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Tân Lạc;
- THA huyện Tân Lạc;
- Các đương sự;
- UBND xã N-Tân Lạc;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Bùi Đình Dũng